

CÔNG TY CỔ PHẦN SANWA SEIMITSU VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SANWA SEIMITSU VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SANWA SEIMITSU VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SANWA SEIMITSU VIETNAM JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107328202

3. Ngày thành lập: 17/02/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Ô số 2, tầng 1, Tòa nhà HL Tower, Lô A2B, đường Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các hàng hóa với mã HS sau: 2511; 2814; 2816; 2822; 2930 (trừ mã HS 2930.90); 3208; 3403; 3824; 3917; 3919; 3920 ; 3921; 3923; 3926 (trừ mã HS 3926 2090 00, 3926 9080 90, 3926 9090 20, 3926 9090 90); 4009; 4010; 4016; 4812; 5603; 6307 (trừ mã HS 6307.10); 6804; 6805; 6813; 6909; 7017; 7302; 7307; 7310; 7315; 7318; 7319; 7320; 7325; 7326; 7419; 7506; 7607; 7608; 7616; 8108; 8203; 8204; 8205; 8206; 8207; 8208; 8211 (trừ mã HS 8211 91 00, 8211 92 90); 8214 (trừ mã HS 8214 20 00); 8301 (trừ mã HS 8301 30 00, 8301 70 00); 8302 (trừ mã 8302 42, 8302 50 00); 8310; 8404; 8412; 8413; 8414 (trừ mã 8414 51); 8421 (trừ mã 8421 12, 8421 21, 8421 22); 8422 (trừ mã 8422.11); 8423 (trừ mã 8423 10, 8423 81); 8424; 8425; 8426; 8427; 8428; 8429; 8431; 8437; 8452 (trừ mã HS 8452 10 00); 8455; 8456; 8457; 8458; 8459; 8460; 8461; 8462; 8463; 8464; 8465; 8466; 8467; 8468; 8471 (trừ mã 8471 30 10, 8471 30 20, 8471 30 90, 8471 41 10, 8471 41 90, 8471 49 10); 8474; 8477; 8479; 8481; 8482; 8483; 8484; 8487; 8501; 8502; 8504; 8505; 8506; 8507, 8512; 8518 (trừ mã HS 8518 21 00, 8518 22 00, 8518 29 10, 8518 29 90, 8518 30 10, 8518 30 20, 8518 30 31, 8518 30 39, 8518 30 90); 8526; 8528 (trừ mã 8528 71 9010, 8528 71 9090, 8528 72, 8528 73); 8531; 8533; 8535; 8536; 8537; 8539; 8541; 8543; 8544; 8716; 9002; 9005; 9006 (trừ mã HS 9006 52 00, 9006 53 00, 9006 61 00 00, 9006 69 00 00), 9007, 9008, 9011, 9012, 9013, 9014, 9016, 9017, 9018, 9019, 9020, 9024, 9025, 9026, 9027, 9028, 9029, 9030, 9031, 9032, 9033, 9405 (trừ mã HS 9405 10 90, 9405 20 90, 9405 30 00, 9405 40 60, 9405 40 90, 9405 50 11, 9405 50 19, 9405 50 90, 9405 60).	8299

2.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (không thành lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa với mã HS sau: 2511; 2814; 2816; 2822; 2930 (trừ mã HS 2930.90); 3208; 3403; 3824; 3917; 3919; 3920 ; 3921; 3923; 3926 (trừ mã HS 3926 2090 00, 3926 9080 90, 3926 9090 20, 3926 9090 90); 4009; 4010; 4016; 4812; 5603; 6307 (trừ mã HS 6307.10); 6804; 6805; 6813; 6909; 7017; 7302; 7307; 7310; 7315; 7318; 7319; 7320; 7325; 7326; 7419; 7506; 7607; 7608; 7616; 8108; 8203; 8204; 8205; 8206; 8207; 8208; 8211 (trừ mã HS 8211 91 00, 8211 92 90); 8214 (trừ mã HS 8214 20 00); 8301 (trừ mã HS 8301 30 00, 8301 70 00); 8302 (trừ mã 8302 42, 8302 50 00); 8310; 8404; 8412; 8413; 8414 (trừ mã 8414 51); 8421 (trừ mã 8421 12, 8421 21, 8421 22); 8422 (trừ mã 8422.11); 8423 (trừ mã 8423 10, 8423 81); 8424; 8425; 8426; 8427; 8428; 8429; 8431; 8437; 8452 (trừ mã HS 8452 10 00); 8455; 8456; 8457; 8458; 8459; 8460; 8461; 8462; 8463; 8464; 8465; 8466; 8467; 8468; 8471 (trừ mã 8471 30 10, 8471 30 20, 8471 30 90, 8471 41 10, 8471 41 90, 8471 49 10); 8474; 8477; 8479; 8481; 8482; 8483; 8484; 8487; 8501; 8502; 8504; 8505; 8506; 8507, 8512; 8518 (trừ mã HS 8518 21 00, 8518 22 00, 8518 29 10, 8518 29 90, 8518 30 10, 8518 30 20, 8518 30 31, 8518 30 39, 8518 30 90); 8526; 8528 (trừ mã 8528 71 9010, 8528 71 9090, 8528 72, 8528 73); 8531; 8533; 8535; 8536; 8537; 8539; 8541; 8543; 8544; 8716; 9002; 9005; 9006 (trừ mã HS 9006 52 00, 9006 53 00, 9006 61 00 00, 9006 69 00 00), 9007, 9008, 9011, 9012, 9013, 9014, 9016, 9017, 9018, 9019, 9020, 9024, 9025, 9026, 9027, 9028, 9029, 9030, 9031, 9032, 9033, 9405 (trừ mã HS 9405 10 90, 9405 20 90, 9405 30 00, 9405 40 60, 9405 40 90, 9405 50 11, 9405 50 19, 9405 50 90, 9405 60).	4799(Chính)
----	--	-------------

3.	Bán buôn tổng hợp Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa với mã HS sau: 2511; 2814; 2816; 2822; 2930 (trừ mã HS 2930.90); 3208; 3403; 3824; 3917; 3919; 3920 ; 3921; 3923; 3926 (trừ mã HS 3926 2090 00, 3926 9080 90, 3926 9090 20, 3926 9090 90); 4009; 4010; 4016; 4812; 5603; 6307 (trừ mã HS 6307.10); 6804; 6805; 6813; 6909; 7017; 7302; 7307; 7310; 7315; 7318; 7319; 7320; 7325; 7326; 7419; 7506; 7607; 7608; 7616; 8108; 8203; 8204; 8205; 8206; 8207; 8208; 8211 (trừ mã HS 8211 91 00, 8211 92 90); 8214 (trừ mã HS 8214 20 00); 8301 (trừ mã HS 8301 30 00, 8301 70 00); 8302 (trừ mã 8302 42, 8302 50 00); 8310; 8404; 8412; 8413; 8414 (trừ mã 8414 51); 8421 (trừ mã 8421 12, 8421 21, 8421 22); 8422 (trừ mã 8422.11); 8423 (trừ mã 8423 10, 8423 81); 8424; 8425; 8426; 8427; 8428; 8429; 8431; 8437; 8452 (trừ mã HS 8452 10 00); 8455; 8456; 8457; 8458; 8459; 8460; 8461; 8462; 8463; 8464; 8465; 8466; 8467; 8468; 8471 (trừ mã 8471 30 10, 8471 30 20, 8471 30 90, 8471 41 10, 8471 41 90, 8471 49 10); 8474; 8477; 8479; 8481; 8482; 8483; 8484; 8487; 8501; 8502; 8504; 8505; 8506; 8507, 8512; 8518 (trừ mã HS 8518 21 00, 8518 22 00, 8518 29 10, 8518 29 90, 8518 30 10, 8518 30 20, 8518 30 31, 8518 30 39, 8518 30 90); 8526; 8528 (trừ mã 8528 71 9010, 8528 71 9090, 8528 72, 8528 73); 8531; 8533; 8535; 8536; 8537; 8539; 8541; 8543; 8544; 8716; 9002; 9005; 9006 (trừ mã HS 9006 52 00, 9006 53 00, 9006 61 00 00, 9006 69 00 00), 9007, 9008, 9011, 9012, 9013, 9014, 9016, 9017, 9018, 9019, 9020, 9024, 9025, 9026, 9027, 9028, 9029, 9030, 9031, 9032, 9033, 9405 (trừ mã HS 9405 10 90, 9405 20 90, 9405 30 00, 9405 40 60, 9405 40 90, 9405 50 11, 9405 50 19, 9405 50 90, 9405 60).	4690
4.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Dịch vụ quản lý sản xuất (CPC 86505 - trừ tư vấn thuế, tài chính, kinh doanh)	7020

6. Vốn điều lệ: 5.600.000.000 VNĐ

(tương đương 250.000 USD - Hai trăm năm mươi ngàn đô la Mỹ)

Mệnh giá cổ phần: 100.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	SANWA SEIMITSU CO., LTD	4-7-25 Itachibori, Nishi, Osaka, NHẬT BẢN	Cổ phần phổ thông	39.200	0	0,000	1200-01-044117	
			Tổng số	39.200	0	0,000		
2	NIHON SEITO SHOKAI CO., LTD	4-2-3 Daido, Tennoji, Osaka, NHẬT BẢN	Tổng số	14.000	0	0,000	1200-01-026012	
			Cổ phần phổ thông	14.000	0	0,000		
3	PHAN TIẾN DŨNG	Khu 6A, Phường Nông Trang, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.800	0	0,000	131222663	
			Tổng số	2.800	0	0,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	SANWA SEIMITSU CO., LTD	4-7-25 Itachibori, Nishi, Osaka, NHẬT BẢN	Cổ phần phổ thông	39.200	0	0,000	1200-01-044117	
			Tổng số	39.200	0	0,000		
2	NIHON SEITO SHOKAI CO., LTD	4-2-3 Daido, Tennoji, Osaka, NHẬT BẢN	Cổ phần phổ thông	14.000	0	0,000	1200-01-026012	
			Tổng số	14.000	0	0,000		

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ISHII KENICHI

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *19/08/1973*

Dân tộc: Quốc tịch:

Nhật Bản

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy chứng thực cá nhân: *TR4622007*

Ngày cấp: *27/07/2015*

Nơi cấp: *Bộ Ngoại giao Nhật Bản*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *250-27 Oguro, Oguro, Habikino, Osaka 583-0847, NHẬT BẢN*

Chỗ ở hiện tại: *Căn hộ 802, số 6/105 Nguyễn Phong Sắc, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội